

BÁO CÁO

**Tổng kết thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 -2020
trên địa bàn huyện Kbang.**

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành chương trình thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Triển khai Kế hoạch số 1482/KH-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tổng kết thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Đề án 89).

Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo tổng kết triển khai thực hiện Đề án 89 giai đoạn 2012-2020 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 89 VÀ CÁC ĐỀ ÁN THÀNH PHẦN:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 01/01/2013 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020; quyết định 281/QĐ-TTg, ngày 31/03/2014, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; quyết định 268/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Gia Lai “V/v ban hành Chương trình thực hiện đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 190/QĐ-UBND, ngày 26/4/2014, của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 Quyết định Về việc thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện về Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định 1118/QĐ-UBND, ngày 29/11/2013 Quyết định Về việc Ban hành Chương trình thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập trên địa bàn huyện Kbang, giai đoạn 2012 - 2020” theo hướng dẫn của các cấp lãnh đạo. Kế hoạch 1136/KH-UBND ngày 18/7/2016 Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án " Đẩy mạnh phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" trên địa bàn huyện Kbang.

UBND các xã, thị trấn đã ban hành kế hoạch, công văn chỉ đạo hàng năm, đối với các chi hội TDP, thôn, làng và các trường học về " Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng " đến năm 2020. Các TDP, thôn, làng căn cứ kế hoạch của UBND các xã, thị trấn để xây dựng kế hoạch triển

khai thực hiện trong năm và những năm tiếp theo. Tham mưu Đảng ủy, UBND báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11 - CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị, về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”; tham mưu UBND thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg, Quyết định 190/QĐ-UBND, Quyết định 448/QĐ-KHVN...phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban ngành, đoàn thể theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình. Về các chủ trương, chính sách, biện pháp, nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành xã hội học tập trong, ngoài nhà trường, phối hợp giữa trường học, Hội khuyến học, hội cựu giáo chức, hội người cao tuổi thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện cho cấp trên, để kịp thời chỉ đạo.

Trong những năm qua, triển khai thực hiện Quyết định 89, nhận thức của hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn huyện về " Xã hội học tập " đã được nâng lên và có nhiều chuyển biến tích cực. Các ban ngành đoàn thể cùng phối hợp, tích cực tuyên truyền đến toàn thể nhân dân để đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng trên địa bàn. Quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời đến mọi cấp, mọi ngành và toàn thể nhân dân tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Thủ tướng Chính phủ đề ra. Hằng năm, tổ chức tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân thấy được sự cần thiết phải học, học để hiểu biết, để làm người công dân tốt, học để có việc làm, học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...Hội khuyến học các xã, thị trấn đã phối Đảng ủy, UBND đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

II. Kết quả thực hiện đề án 89 và các đề án thành phần

1. Kết quả thực hiện đề án 89

1.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập:

Tuyên truyền bằng nhiều biện pháp đưa Đề án xây dựng xã hội học tập đến với nhân dân; Tuyên truyền Quyết định 89/QĐ-TTg, Quyết định 281/QĐ- TTg, Quyết định 190/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Quyết định 448/ QĐ-KHVN ngày 01/12/2015, Kế hoạch 1136/KH - UBND huyện ngày 18/7/2016 về việc triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn huyện Kbang; Kế hoạch số 1018/KH - UBND huyện ngày 28/6/2016 về việc triển khai nhân rộng và đánh giá, công nhận các mô hình học tập giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Kbang; các văn bản, chỉ thị, Nghị quyết của các cấp về “ Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn. Phối hợp với đài phát thanh đưa

tin các văn bản, Quyết định chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phong trào Học tập suốt đời tại địa phương.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể huyện cũng như các xã, thị trấn tuyên truyền vận động toàn dân xây dựng xã hội học tập, học để trở thành người công dân tốt, học để có việc làm...

Chỉ đạo các hội khuyến học, các trung tâm học tập cộng đồng, các nhà trường tổ chức tuyên truyền đến nhân dân, phụ huynh học sinh, các em học sinh để toàn xã hội hưởng ứng tham gia và thấy được lợi ích của việc học tập.

1.2 Cung cấp tài liệu học tập cho các cơ sở giáo dục

Đã cung ứng các tài liệu để tổ chức công tác tuyên truyền theo quy định như tài liệu, các văn bản hướng dẫn,... đáp ứng tốt cho công tác hoạt động.

1.3 Sự phối hợp giữa các ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội

Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức, Hội người cao tuổi đã ban hành Chương trình phối hợp hoạt động khuyến học, khuyến tài, Xây dựng xã hội học tập hàng năm.

1.4 Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Về đào tạo: Đã mở 24 lớp bồi dưỡng văn hoá cấp Trung học phổ thông với 682 học viên là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách và đồng bào dân tộc thiểu số tham gia; liên kết mở 02 lớp Trung cấp Luật (*hệ vừa làm, vừa học*) cho 102 học viên, mở 01 lớp Đại học Luật (*hệ từ xa*) cho 73 học viên, đang mở 01 lớp Đại học Luật (*niên khóa 2018-2022*) cho 52 học viên tham gia; Quyết định cử 85 cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

Về bồi dưỡng: Đã mở 275 lớp tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên với 15.386 lượt người tham gia; mở 08 lớp tin học với 217 người tham gia; 11 lớp bồi dưỡng tiếng Bahnar với 314 người tham gia; 08 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước với 365 người tham gia. Quyết định cử 231 người tham gia 50 lớp bồi dưỡng chức danh và 886 người tham gia 66 lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở Nội vụ, trường Chính trị tỉnh mở lớp.

- Hằng năm, Ban chỉ đạo phối hợp trung tâm học tập cộng đồng, Hội khuyến học thị trấn tổ chức các lớp tập huấn, công tác hòa giải, công nhận các mô hình học tập theo Quyết định 448/QĐ-KHVN, triển khai Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT... tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của huyện ít nhất là 01 lớp, thời gian từ 01 đến 02 ngày, tổng số lớp đã mở 06 lớp, số người tham gia hơn 345 lượt người tham gia.

1.5. Kết quả thực hiện các mục tiêu đề án.

(Theo mẫu 1.1 gửi kèm)

1.6. Những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị

- Kinh phí triển khai đề án chưa cấp phát kịp thời nên rất khó khăn trong hoạt động.

- Các đồng chí chủ tịch hội khuyến học các xã đều làm việc kiêm nhiệm nên thời gian đọc, nghiên cứu văn bản còn hạn chế; làm được đến đâu hay đến đó, không có kế hoạch phân công công việc cho cấp dưới thực hiện nên hiệu quả chưa cao.

- Việc tổ chức lễ phát động phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng chưa rộng khắp trên toàn huyện.

- Cơ sở vật chất của các trung tâm học tập cộng đồng còn chưa có, kinh phí hoạt động hỗ trợ chưa kịp thời, còn quá eo hẹp.

2. Kết quả thực hiện các đề án thành phần

2.1. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các đề án thành phần

(Theo mẫu 1.2 gửi kèm)

2.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu của các đề án thành phần

(Theo mẫu 1.3 gửi kèm)

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ưu điểm

So với kế hoạch đề án đưa ra qua gần 10 năm thực hiện nhìn chung huyện Kbang cơ bản hoàn thành khá tốt các chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên mức độ đạt được chưa ổn định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai xây dựng “Mô hình học tập”, “Cộng đồng học tập” cấp xã chưa có sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương. Một số cấp ủy, chính quyền còn xem nhẹ việc triển khai Đề án học tập suốt đời.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, qua đó nâng cao nhận thức cho mọi người những lợi ích thiết thực về xây dựng xã hội học tập.

- Thực hiện tốt phong trào khuyến học, khuyến tài, kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình tiêu biểu về “ Gia đình học tập”, “ Dòng họ học tập”, “ Cộng đồng học tập” cấp TDP, thôn, làng “ Đơn vị học tập”.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời; các cơ quan, đơn vị, mặt trận và các đoàn thể, hội khuyến học phối hợp chặt chẽ tuyên truyền, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện " Đề án xây dựng xã hội học tập", việc đánh giá, công nhận các danh hiệu mô hình học tập, để Đề án mang lại hiệu quả thiết thực.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN ĐẾN NĂM 2020

1. Kế hoạch:

1.1. Các nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể:

CÁC TIÊU CHÍ	Mục tiêu đến 2020 ¹	
	Đề án TW	Mục tiêu
1. Xoá mù chữ và PC GD		
1.1. Tỷ lệ người biết chữ từ 15-35 tuổi	96	99,3
1.2. Tỷ lệ người biết chữ từ 15-60 tuổi	94	97
1.3. Tỷ lệ biết chữ nam/nữ. Ưu tiên xoá mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái, dân tộc TS.	Không nêu tỷ lệ	Cân bằng
1.4. Tỷ lệ người mới biết chữ tiếp tục học tập, không mù chữ trở lại.	90	95
1.5. PC GDMN cho trẻ em 5 tuổi.		Duy trì vững chắc từng bước nâng cao.
1.6. PC GDTH đúng độ tuổi	Củng cố vững chắc	Củng cố vững chắc
1.7. Kết quả PC GDTHCS	Củng cố vững chắc	Củng cố vững chắc
2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ		
2.1. Tỷ lệ CB, CC, VC tham gia học tập nâng cao trình độ ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm	100	100
2.2. Tỷ lệ CB, CC, VC có trình độ ngoại ngữ		
- Bậc 2 (A2).	40	40
- Bậc 3 (B1).	20	30
2.3. Tỷ lệ công nhân lao động có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hoá	Tiếp tục tăng	Tiếp tục tăng
3. Nâng cao trình độ CM, NV, tay nghề để lao động có hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn		
3.1. Đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện		
- Tỷ lệ được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn qui định.	Tiếp tục duy trì	Tiếp tục duy trì
- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng	100	100

theo chương trình qui định.		
- Thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.	90	90
3.2. Đối với cán bộ, công chức cấp xã		
- Tỷ lệ CB, CC cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc.	100	100
- Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn qui định.	95	95
- Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.	85	85
3. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn		
3.1. Tỷ lệ HS, SV và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn.	Tăng dần qua các năm	Tăng dần qua các năm
3.2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục.	50	70

1.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ đến năm 2020

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập;
- Tổ chức các hoạt động học tập suốt đời thông qua các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường (*các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ...*);
- Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục thường, trung tâm học tập cộng đồng;
- Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập suốt đời;
- Trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp đối với học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập cần được nâng cao.

2. Dự kiến Kế hoạch đến năm 2020 (mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp)

2.1 Mục tiêu:

- Phấn đấu duy trì và giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS.
- Tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số, vững về chất, có năng lực và trình độ chuyên môn vững vàng để đáp ứng nhu cầu cải tiến phương pháp dạy học trong tình hình mới.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người.

2.2 Giải pháp:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập

- Tổ chức các hoạt động học tập suốt đời thông qua các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường (*các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, câu lạc bộ...*)

- củng cố, phát triển mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng

- Đẩy mạnh hình thức học từ xa, tại chức: Tăng cường các điều kiện về công nghệ thông tin, tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo từ xa. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ học tập suốt đời cho mọi người

- Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập suốt đời. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp đối với học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng “Quỹ học tập suốt đời” để hỗ trợ cho người lao động học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp, hoặc đào tạo lại cho những người chuyển đổi nghề nghiệp.

Trên đây, là báo cáo tổng kết thực hiện đề án 89 Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn huyện Kbang.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh;
- TT UBND huyện;
- Lưu VT, VP, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

Mẫu 1

SỐ LIỆU PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Báo cáo số: 303/BC-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện)



Nội dung	Số lượng (tính đến thời điểm cuối năm 2018)	Tỷ lệ %	Dự báo (2019-2020)
1. Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục			
a) Xóa mù chữ			
- Số người biết chữ			
+ Độ tuổi 15-60	38509	83,61	89,35
Trong đó: Nữ	18363	82,58	88,5
DTTS	14502	71,24	80,2
+ Độ tuổi 15-35	24962	90,39	97,41
Trong đó: Nữ	11959	89,76	97,04
DTTS	10937	83,04	95,43
- Số người ra học lớp XMC và được công nhận biết chữ	2253	0,34	
+ Độ tuổi 15-60	4280	27,59	
Trong đó: Nữ	2131	16,23	
DTTS	2242	32,22	
+ Độ tuổi 15-35	2937	30,93	
Trong đó: Nữ	1414	15,56	
DTTS	1491	31,47	
- Số người mới biết chữ tiếp tục học tập và không mù chữ trở lại	4702	0,34	
b) Phổ cập giáo dục			
- Số huyện (thị xã, thành phố) củng cố vững chắc kết quả PCGD tiểu học ĐĐT	1		
- Số huyện (thị xã, thành phố) củng cố vững chắc kết quả PCGD THCS	1		
2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ			
a) Cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm	43	1,9	17

b) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2	884	40	50
c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3	442	20	30
d) Công nhân lao động có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và giao lưu văn hóa	69	41,3	45
3. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn			
a) Đối với cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp huyện			
- Cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định		100	Tiếp tục duy trì
- Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định		100	Tiếp tục duy trì
- Cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.		90	Tăng dần qua các năm
b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã			
- Cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc		100	Tiếp tục duy trì
- Cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định		100	Tiếp tục duy trì
- Công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm.		90	Tăng dần qua các năm
c) Đối tượng lao động nông thôn			
- Công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương	Không có		
- Công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn	Không có		
- Công nhân qua đào tạo nghề	69	41,3	Tăng hàng năm
4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn			
a) Học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống		90	Tăng dần qua các năm
b) Học sinh, sinh viên được kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục		70	Tăng dần qua các năm

Handwritten signature

THÔNG KÊ VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số: 303/BC-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện)

TT	Nội dung	Đã ban hành kế hoạch	Chưa ban hành kế hoạch	Ghi chú (số kế hoạch; ngày tháng năm ban hành)
1	Đề án "XMC đến năm 2020" (Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)	- Kế hoạch duy trì và nâng cấp kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Kbang		Số 1781/KH-UBND, ngày 30/11/2016
2	Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ" (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ)			
3	Đề án "Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" (Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ)	- Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Đẩy mạnh phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" trên địa bàn huyện Kbang - Kế hoạch triển khai nhân rộng và đánh giá, công nhận các mô hình học tập giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện		- Số 1136/KH-UBND, ngày 18/7/2016 - Số 1018/KH-UBND, ngày 28/6/2016
4	Đề án truyền thông về xây dựng XHHT (Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ)			
5	Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020" (Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ)			
6	Đề án "Phát triển đào tạo từ xã giai đoạn 2015-2020" (Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 1015-2020 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 1016-2020		- Số 966/KH-UBND, ngày 28/9/2014 - Số 1775/KH-UBND, ngày 31/12/2015

TT	Đề án "XMC đến năm 2020" (Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)	Số lượng (tính đến thời điểm cuối năm 2018)	Tỷ lệ %	Dự báo (2019-2020)
I	Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) tham gia các lớp XMC	2253	0,34	Tăng dần qua các năm
-	Độ tuổi 15-25	4280	27,59	
-	Độ tuổi 15-35	2131	16,23	
-	Độ tuổi 15-60	2242	32,22	
1.2	Số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) tham gia các lớp XMC	2937	30,93	
-	Độ tuổi 15-25	1414	15,56	
-	Độ tuổi 15-35	1491	31,47	
-	Độ tuổi 15-60	4702	0,34	
1.3	Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	87889		
-	Độ tuổi 15-25	14213	97,68	
-	Độ tuổi 15-35	27620	95,34	
-	Độ tuổi 15-60	46056	91,63	
1.4	Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	77714		
-	Độ tuổi 15-25	13961	95,95	Tăng dần qua các năm
-	Độ tuổi 15-35	25040	90,66	
-	Độ tuổi 15-60	38713	84,06	
1.5	Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia học tập với nhiều hình thức khác nhau nhằm củng cố vững chắc kết quả biết chữ	79876	90	
1.6	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn XMC mức độ 1	6	42,9	
1.7	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn XMC mức độ 2	8	57,1	100

(Kèm theo Báo cáo số: 303/BG-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

Mẫu 3



2	Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ" (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ)			
2.1	Số thư viện tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Internet miễn phí		1	1
-	Số thư viện cấp huyện		1	1
-	Số thư viện cấp xã		0	0
2.2	Số thư viện cấp huyện tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho lực lượng lao động ở địa phương		0	0
2.3	Số lượt người trong các năm (2014-2018) sử dụng thư viện công cộng		8.000	11.000
2.4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn sử dụng thư viện phục vụ nhu cầu học tập, tìm hiểu kiến thức nâng cao hiểu biết (so với tổng số dân)		10%	12
2.5	Tỷ lệ người dân (khu vực thành thị, đồng bằng và khu vực trung du, miền núi) tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ cho mục đích học tập, nâng cao kiến thức, hiểu biết		55%	60%
3	Đề án "Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" (Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ)			
3.1	Số lượng gia đình đạt danh hiệu "Gia đình học tập"	5961	58,44	84,78
3.2	Số lượng dòng họ đạt danh hiệu "Dòng họ học tập"	5	27,78	54,55
3.3.	Số lượng đơn vị đạt danh hiệu "Đơn vị học tập"	30	65,22	94,12
3.4	Số lượng cộng đồng (cấp thôn, bản, tổ dân phố) đạt danh hiệu "Cộng đồng học tập"	30	40	74,75
4	Đề án truyền thông về xây dựng XHHT (Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ)			
4.1	Số phóng viên phụ trách chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về giáo dục tại các cơ quan báo chí trong tỉnh đã được tập huấn			
4.2	Số cán bộ chuyên trách trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ chủ chốt của đài phát thanh, truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, điểm sinh hoạt cộng đồng đã được tập huấn		100%	100%

4.3	Số cán bộ cấp xã, cán bộ chủ chốt của trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm GDTX, các cơ sở giáo dục chính quy làm nhiệm vụ GDTX, các cơ sở giáo dục khác đã được tập huấn			
4.4	Số cán bộ chủ chốt của thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa-thể thao các cấp và các câu lạc bộ đã được tập huấn		100%	100%
4.5	Số cán bộ lãnh đạo, cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền của các tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp đã được tập huấn		100%	100%
5	Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSD trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020" (Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ)			
5.1	Số công nhân lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn của huyện (CNLD) tham gia học tập để đạt trình độ THPT			
5.2	Số CNLD được đào tạo nghề (đào tạo qua trường, lớp hoặc doanh nghiệp tự đào tạo)	98	58	60
5.3	Số CNLD được đào tạo lại	26	15,5	15,7
5.4	Số CNLD có tay nghề cao	Không có		
5.5	Số CNLD được học tập, bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học	16	9,5	9,7
5.6	Số CNLD được nghiên cứu, học tập, tìm hiểu những kiến thức chính trị cơ bản; được tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước liên quan đến công nhân lao động	167	100	
5.7	Số CNLD được học tập, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về nắm bắt thông tin, kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe bản thân, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, phòng, chống, tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội	167	100	
5.8	Số nữ CNLD tại các doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế được học tập, tìm hiểu kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản, hôn nhân và gia đình	Không có		
6	Đề án "Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020" (Quyết định số 1559/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ)			
6.1	Số cơ sở giáo dục của tỉnh có cung cấp chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân			
6.2	Số cơ sở GDTX có cung cấp các chương trình đào tạo từ xa cấp chứng chỉ, chương trình phổ biến kiến thức			
6.3	Số cơ sở giáo dục có đầu tư và sử dụng công nghệ đào tạo từ xa tiên tiến để triển khai các chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng			
6.4	Số cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo từ xa được bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về đào tạo từ xa			

Handwritten signature

SƠ LIỆU TỔNG KẾT ĐỀ ÁN 89
(Kèm theo Báo cáo số: 303/BC-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện)

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2012-2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN TỪNG NĂM										THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016- 2020 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021- 2025 (tỷ lệ %)	THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026- 2030 (tỷ lệ %)
			2016		2017		2018		2019		2020				
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
I	Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục														
1	Xóa mù chữ (XMC)	88	32037	81,11	32217	83,13	38509	83,61	41768	89,35	44163	89,75	91	92	92,5
1.1	Số người trong độ tuổi 15-25 biết chữ	98	11811	91,49	11830	95,53	13953	95,9	13832	97,41	14221	97,76	98	98,5	98,8
1.2	Số người trong độ tuổi 26-35 biết chữ	98	9007	90,72	8939	92,65	11009	95,47	12519	91,44	13511	91,78	92	92,5	93
1.3	Số người trong độ tuổi 36-60 biết chữ	80	1129	72,34	11448	73,25	13547	73,45	15417	81,77	16431	81,89	82	82,4	82,6
1.4	Số người mới biết chữ tiếp tục tham gia giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ														
1.5	Số xã được công nhận đạt chuẩn XMC mức độ 1	100	14	100	9	64,3	6	42,9							
1.6	Số xã được công nhận đạt chuẩn XMC mức độ 2	100			5	35,7	8	57,1	14	100			Giữ vững	Giữ vững	Giữ vững
1.7	Số huyện được công nhận đạt chuẩn XMC mức độ 1	100	1		1		1								
1.8	Số huyện được công nhận đạt chuẩn XMC mức độ 2	100							1	100			Giữ vững	Giữ vững	Giữ vững
2	Phổ cập giáo dục Tiểu học (PCGDTH)														
2.1	Số xã được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 1	100	14	100											
2.2	Số xã được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2	100			6	42,8	1	7,1	1	7,14					
2.3	Số xã được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3	100			8	57,2	13	92,9	13	92,86			Giữ vững	Giữ vững	Giữ vững
2.4	Số huyện được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 1														
2.5	Số huyện được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2				1										
2.6	Số huyện được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3						1		1				Giữ vững	Giữ vững	Giữ vững

[illegible]

2	Số cán bộ, công chức huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định	100													
3	Số cán bộ, công chức cấp tỉnh giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định														
4	Số cán bộ, công chức cấp huyện giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định	100													
5	Số cán bộ, công chức cấp tỉnh thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm														
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp huyện thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm	90													95
7	Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc	100													
8	Số cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định	100													
9	Số công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hằng năm	85													90
10	Số lao động nông thôn tham gia học tập tại các TTHTCĐ														
IV	Hoàn thiện kỹ năng sống														
1	Số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương														
2	Số công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn														
3	Số công nhân lao động được qua đào tạo nghề												69		41,3
4	Số học sinh, sinh viên tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục														
5	Số người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống												167		100

Handwritten signature